

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26- 8 - 2022

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn,  
Nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*Ông Trần Minh Lực*

*Ông Lê Thanh An*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thúy N - Sinh năm: 1991 (Xin vắng mặt);*

*Địa chỉ: ấp Tân Ph, xã Phú Th, huyện A, tỉnh Tiền Giang;*

*2. Bị đơn: Phạm Ngọc P - Sinh năm: 1990 (vắng mặt);*

*Địa chỉ: ấp Tân Ph, xã Phú Th, huyện A, tỉnh Tiền Giang;*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày:*

Chị N và anh P tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 17/6/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Th. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh P không chăm lo vợ con, đánh đập chị, nên cuộc sống hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 17/5/2011, Phạm Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/10/2015 và Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/11/2009. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu K, cháu Đ và cháu T

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ mỗi cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có.

\* Quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Ngọc P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh P không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn

\* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị được ly hôn với anh Phạm Ngọc P.

+ Về con chung: giao con chung Phạm Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 17/5/2011, Phạm Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/10/2015 và Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/11/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ mỗi cháu.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn

Chị N và anh P có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phú Th cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/8/2011 nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh P là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, anh, chị đều vắng mặt. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của anh, chị trong quá trình tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, đời sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ, chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh, chị không tự hàn gắn tình cảm được. Tòa án đã triệu tập anh P để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn với chị N, nhưng anh không đến. Điều đó cho thấy anh P không quan tâm đến cuộc hôn nhân với chị N. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị N trình bày anh chị có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 17/5/2011, Phạm Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/10/2015 và

Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/11/2009. Hiện cháu K, cháu Đạt và cháu T đang sống với chị N, đồng thời cháu T, cháu K có nguyện vọng sống với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu K, cháu Đ và cháu T cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là cháu K, cháu Đ và cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh P không có ý kiến trình bày về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung là cần thiết cho nhu cầu vật chất, tinh thần cho các cháu, phù hợp với quy định tại Điều 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu mà chị N yêu cầu là không cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị N trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy N.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn với anh Phạm Ngọc P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 17/5/2011, Phạm Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/10/2015 và Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/11/2009 cho chị Nguyễn Thị Thúy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là các cháu K, Đ, T mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) mỗi cháu. Thực hiện khi án có hiệu lực cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

- Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị N và các thành viên trong gia đình chị Nga không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị N phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008236 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị N đã nộp xong án phí.

Anh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nga, anh Phong có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Th, huyện TPĐ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Văn Lắm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Lắm**  
**Đặng Văn Lắm**





